

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và khu công nghiệp với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2403 giảm điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

IJC, POM

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị kê mua trở lại từng phần khi các mã mục tiêu riêng lẻ quay lại các vùng hỗ trợ đáng lưu ý hoặc chỉ số quay xuống điểm đỡ quanh 1170 (+-10).

20/02/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,230.06	+0.42
VN30	1,241.65	+0.12
HĐTL VN30F1M	1,240.20	-0.02
HNXIndex	233.50	+0.06
HNX30	500.11	+0.35
UPCoM	90.53	+0.09
USD/VND	24,540	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.31	-0
Lãi suất qua đêm (%)	2.05	+73
Dầu (WTI, \$)	79.25	+0.08
Vàng (LME, \$)	2,022.60	+0.27



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,230.06 (+0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 843.8 (-5.7%)  
**GTGD (triệu U\$)** 860.8 (-14.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và khu công nghiệp với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng 135.28 tỷ đồng, tập trung tại MBB (+0.00%), VIX (+2.23%), VHM (+1.32%).

**HNXIndex** 233.50 (+0.06%)  
**KLGD (triệu CP)** 95.8 (+12.6%)  
**GTGD (triệu U\$)** 70.5 (+10.3%)

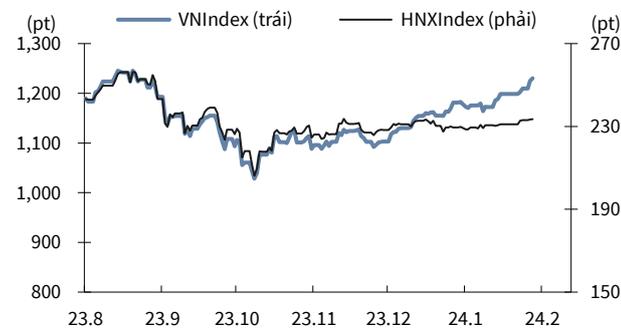
Kết luận tại Hội nghị trực tuyến đẩy mạnh tín dụng ngân hàng năm 2024, NHNN cho biết sẽ thực hiện kéo dài thời gian áp dụng Thông tư 02 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo đề xuất của các ngân hàng. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng tăng giá ở VCB (+1.22%), BID (+0.2%).

**UPCoM** 90.53 (+0.09%)  
**KLGD (triệu CP)** 35.0 (-33.7%)  
**GTGD (triệu U\$)** 21.2 (-40.4%)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nhận định, ngành thủy sản có thể đạt mục tiêu xuất khẩu 9.5-10 tỷ USD trong năm nay. Cổ phiếu nhóm Thủy sản tăng giá ở MPC (+1.18%), FMC (+0.54%)

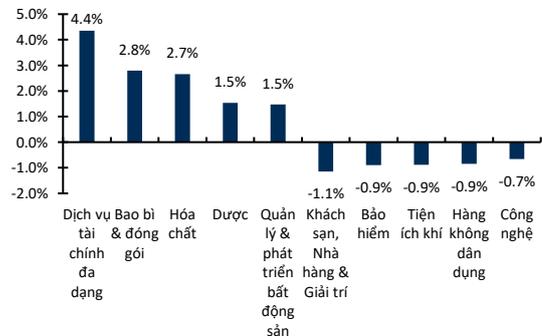
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** +6.9

## VNIndex & HNXIndex



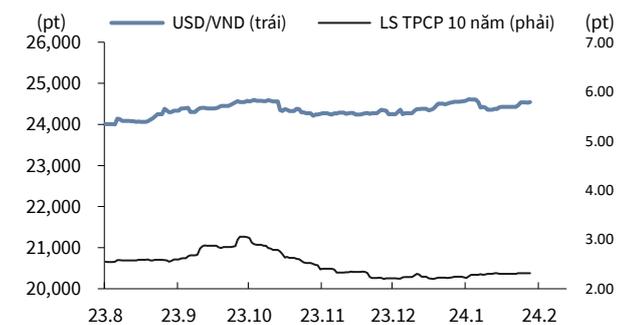
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

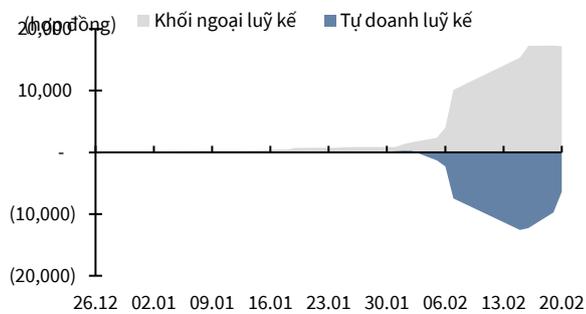
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,241.65 (+0.12%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,240.2 (-0.02%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,241.4</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,243.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,237.4</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>133,829 (-9.1%)</b>

HĐTL VN30F2403 giảm điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại 1.0 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.4 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.45 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

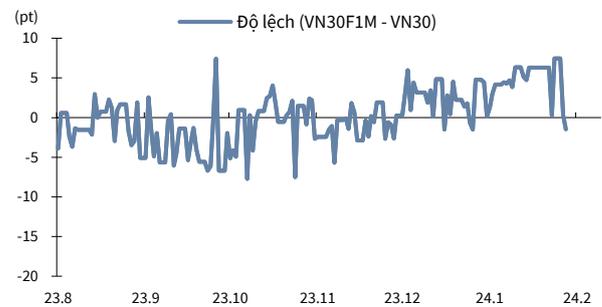
Khối ngoại bán ròng 88 HĐTL VN30F2403 tuy nhiên đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,213 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,353 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,381 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



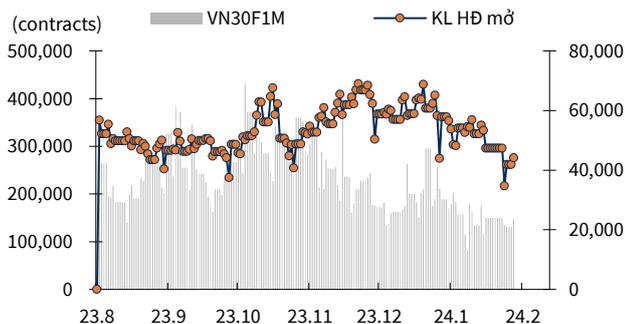
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



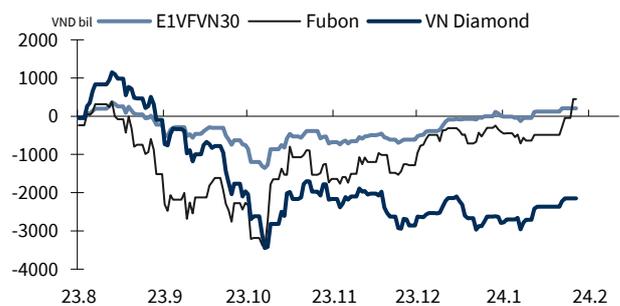
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

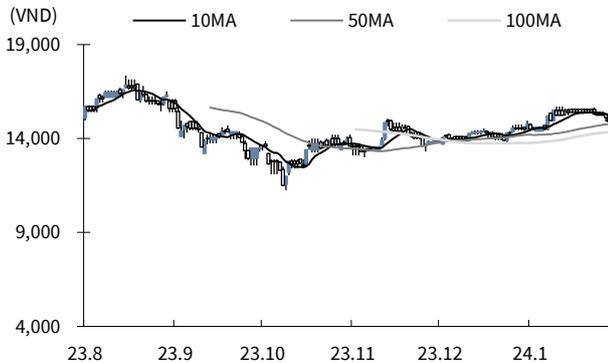
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)

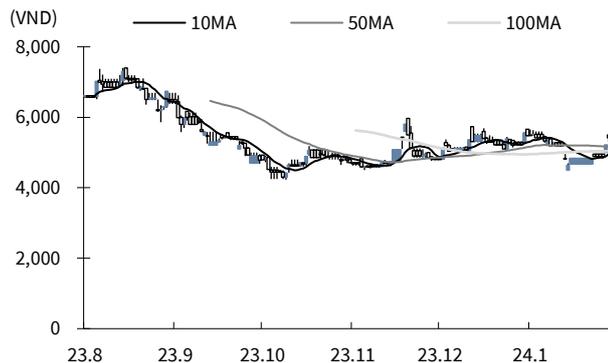


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- IJC giảm 1.32% xuống 14,900 VND/cp

- CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật vừa chốt thời gian triển khai chào bán hơn 125.9 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng 50% số cổ phần đang lưu hành. Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:50 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 50 cổ phiếu mới). Giá chào bán là 10,000 đồng/cp. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu từ 5/3 đến 25/3. Thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 5/3 đến 23/3. Ngày chốt danh sách cổ đông là 27/2.

## CTCP Thép Pomina (POM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POM tăng 3.83% lên 5,420 VND/cp

- CTCP Thép Pomina đã thông qua ngày chốt quyền họp Đại hội đồng cổ đông bất thường là 16/2, thời gian tổ chức họp là 1/3. Nội dung chương trình là thông qua phương án tái cấu trúc công ty. Theo tờ trình vừa công bố, Pomina dự kiến trình cổ đông phê duyệt quyết toán và nâng mức đầu tư lò cao tại Chi nhánh Pomina 3 lên gần 5,880 tỷ đồng, tăng 900 tỷ so với kế hoạch cũ.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX diễn biến rung lắc giằng co trong hầu hết phiên giao dịch, trước khi đột ngột mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Dòng tiền cho thấy sự luân chuyển giữa các nhóm ngành đi kèm trạng thái giao dịch tích cực, cùng với lực đỡ đến từ các cổ phiếu trụ giúp giữ nhịp chính cho chỉ số, đồng thời lực cầu vẫn thể hiện sự lấn át hơn so với phe bán. Mặc dù tín hiệu kỹ thuật cho thấy thị trường có phần quá mua và rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn hiện hữu, quán tính tăng điểm được kỳ vọng vẫn chiếm ưu thế trong những nhịp tới nhờ sự quyết liệt của phe mua.
- NĐT được khuyến nghị kê mua trở lại từng phần khi các mã mục tiêu riêng lẻ quay lại các vùng hỗ trợ đáng lưu ý hoặc chỉ số quay xuống điểm đỡ quanh 1170 (+-10).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1258 – 1262

Kháng cự gần: 1243 – 1246

Hỗ trợ gần: 1232 – 1237

Hỗ trợ xa: 1215 – 1220

- F1 trải qua 1 phiên giảm điểm nhẹ với diễn biến rung lắc giằng co là chủ đạo.
- Việc F1 hình thành mẫu nến spinning biên độ hẹp cho thấy sự giằng co trong phiên giao dịch giữa 2 phe. Ngoài ra, quán tính tăng điểm có phần suy yếu với đà tăng đã chững lại, áp lực bán liên tục gia tăng tại quanh ngưỡng kháng cự gần. Mặc dù rủi ro xuất hiện những nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang hiện hữu, F1 được kỳ vọng có thể sớm lấy lại xu hướng tăng điểm khi chỉ số vẫn cho thấy sự chủ động của phe mua khi điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị thế Long quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.12%	0.74%
Tăng lũy kế (YTD)	9.74%	9.25%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/02/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	35,300	0.3%	37.1%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	28,200	5.2%	25.6%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	104,300	-0.7%	7.6%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	27,150	-1.6%	4.8%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	28,700	-0.2%	3.8%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	20,800	0.0%	3.0%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	28,800	0.7%	-4.0%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	67,800	-0.1%	2.0%	- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	68,800	3.8%	0.0%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	46,800	0.0%	8.6%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Thống kê thị trường

### HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSB	0.0%	27.5%	232.9
VIX	2.2%	7.6%	145.8
VHM	1.3%	22.2%	119.5
VRE	6.0%	30.1%	114.6
VIC	3.2%	12.3%	112.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	0.0%	45.3%	-86.2
STB	0.0%	24.1%	-84.9
VPB	-1.0%	28.3%	-74.7
CII	-1.3%	7.2%	-74.3
GEX	1.1%	11.4%	-63.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	0.9%	5.3%	27.5
DTD	1.4%	1.3%	6.4
HUT	1.0%	1.5%	5.1
MBS	0.7%	0.5%	4.9
DHT	0.0%	34.8%	3.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.6%	10.0%	-17.8
PVS	-0.5%	19.8%	-15.8
EID	-1.3%	0.0%	-1.8
VGS	0.0%	0.9%	-1.8
VCS	0.8%	2.6%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính đa dạng	9.0%	EVF, OGC
Quản lý & phát triển bất động sản	7.9%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hóa chất	5.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thực phẩm	4.7%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tập đoàn công nghiệp	4.0%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	-1.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ gia dụng	-0.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hàng không dân dụng	-0.8%	VJC, HVN
Công nghệ	-0.6%	FPT, CMG, ELC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	16.3%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bao bì & đóng gói	8.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Công nghệ	8.1%	FPT, CMG, ELC
Quản lý & phát triển bất động sản	7.8%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-4.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đồ gia dụng	-3.4%	TTF, GDT, EVE, SAV
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.9%	TNH, JVC, VMD
Hàng không dân dụng	-0.5%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	150,179 (6.1)	22.5	104.7	33.2	14.7	0.6	2.6	1.6	1.6	3.2	14.7	12.0	8.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	254,666 (10.4)	26.6	5.6	4.7	35.9	17.7	18.0	1.0	0.9	1.3	12.6	7.2	6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	227,660 (9.3)	17.8	13.6	12.3	-7.6	10.9	11.4	1.4	1.3	6.0	17.5	6.9	9.4
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	406,731 (16.6)	31.3	-	34.7	6.7	-0.7	2.9	1.0	0.9	0.0	1.7	7.0	2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	43,389 (1.8)	11.6	25.9	25.6	13.7	8.2	7.4	1.7	1.8	1.3	1.9	1.0	1.0
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	147,663 (6.0)	13.9	49.7	33.1	-	2.7	3.7	1.3	1.2	0.8	2.7	0.0	-2.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	92,035 (3.8)	6.3	13.9	12.2	11.7	19.4	18.3	2.4	2.1	1.2	2.0	-1.4	13.7
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	83,804 (3.4)	12.7	11.9	9.5	-5.3	18.9	19.0	2.0	1.7	0.2	1.2	-0.9	13.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	241,173 (9.9)	0.0	6.3	5.2	14.3	15.5	16.2	0.9	0.8	0.0	9.1	11.3	22.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	276,676 (11.3)	1.4	8.8	7.0	50.3	16.9	18.4	1.3	1.1	-0.6	2.3	8.0	29.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	210,633 (8.6)	0.0	9.4	7.0	18.8	11.3	13.8	1.0	0.9	-1.0	1.6	-0.5	2.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	423,876 (17.3)	0.0	5.4	4.6	14.6	23.1	22.9	1.1	0.9	-0.4	3.5	8.2	27.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	149,567 (6.1)	4.2	5.8	6.0	23.3	23.1	18.9	1.3	1.1	1.1	2.6	12.6	16.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	503,625 (20.6)	14.0	5.6	4.3	26.5	20.8	22.3	1.1	0.9	0.0	-0.3	1.3	9.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	186,102 (7.6)	0.0	6.7	5.2	37.4	17.3	19.0	1.1	0.9	-0.3	3.6	0.8	7.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	230,162 (9.4)	0.2	-	-	27.3	11.4	12.4	-	-	-0.8	-0.3	-6.0	1.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	15,264 (0.6)	21.0	18.1	15.9	15.8	8.0	8.8	1.4	1.3	-1.0	4.0	3.6	8.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,866 (0.2)	14.2	9.5	8.2	9.1	12.5	13.5	1.0	0.9	-1.5	3.2	3.2	6.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	647,415 (26.4)	55.4	22.6	18.8	-3.2	10.0	11.5	2.3	2.2	0.3	0.9	4.7	7.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	255,974 (10.5)	71.9	27.7	20.6	-4.0	13.4	14.2	3.0	2.9	0.0	0.4	6.6	5.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	196,374 (8.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.0	-1.8	9.8	12.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	471,704 (19.3)	27.2	19.8	14.9	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	0.2	4.1	6.0	3.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	233,645 (9.5)	42.1	15.6	15.1	4.0	29.5	30.9	4.3	4.6	-0.6	5.8	5.1	5.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	52,226 (2.1)	36.9	17.8	16.8	7.3	19.6	19.4	3.4	3.2	1.2	2.3	-4.6	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	151,876 (6.2)	16.5	43.7	24.4	-51.9	7.8	15.5	3.5	3.0	-0.1	6.2	1.5	2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	30,091 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	4.4	-14.0	-13.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,281 (2.7)	11.0	24.7	15.1	-88.5	13.7	17.9	3.2	2.5	-0.9	-0.2	-0.7	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	66,623 (2.7)	10.8	19.3	17.1	-57.0	12.8	14.2	2.3	2.2	1.8	4.3	3.9	2.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	200,491 (8.2)	38.4	24.3	-	65.7	3.8	-	-	-	-1.3	4.1	4.9	11.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	245,170 (10.0)	37.7	26.8	22.1	-14.4	8.9	7.2	1.5	1.4	1.1	6.4	3.4	-4.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	120,562 (4.9)	3.6	29.0	29.8	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	3.8	3.5	-0.3	0.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	34,817 (1.4)	0.0	9.7	8.7	-4.5	12.2	13.9	1.2	1.2	-0.7	4.6	5.0	3.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	58,890 (2.4)	46.1	16.4	14.4	-17.5	17.2	16.4	2.5	2.3	-0.9	3.8	2.5	4.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,589 (0.9)	31.4	-	16.0	-10.5	-6.0	12.7	-	-	0.0	4.7	3.1	8.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,814 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	0.7	0.4	-6.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	640,890 (26.2)	18.0	13.3	10.2	21.9	12.1	13.6	1.5	1.3	0.0	4.1	5.0	4.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	62,734 (2.6)	36.5	18.9	15.5	-0.5	7.4	7.5	1.1	1.1	-0.6	4.4	5.1	4.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	123,558 (5.0)	46.5	10.7	11.1	-4.5	16.6	15.2	1.5	1.6	-0.1	3.8	9.3	5.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	266,551 (10.9)	38.9	17.3	9.8	67.9	7.5	13.6	1.2	1.1	-1.1	-0.2	2.4	1.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	47,254 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.5	2.3	15.0	15.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	19,216 (0.8)	4.6	14.0	13.1	-51.0	12.2	12.2	1.7	1.6	-0.4	4.0	3.6	4.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	109,577 (4.5)	39.9	14.2	10.0	-11.9	7.4	10.0	1.0	1.0	-0.2	-0.2	4.9	1.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	75,984 (3.1)	35.9	7.9	7.2	2.2	14.7	15.8	1.2	1.1	-1.6	2.6	2.1	2.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	340,448 (13.9)	0.0	26.6	16.4	14.4	9.4	14.2	2.7	2.4	0.0	-0.4	1.6	9.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	94,466 (3.9)	0.0	14.5	12.8	2.4	20.7	20.1	2.7	2.3	0.0	-2.5	0.6	3.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	8,678 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.5	1.0	-3.3	-13.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	77,544 (3.2)	30.3	44.4	22.4	-75.2	22.8	30.7	8.6	7.1	-0.7	-0.7	22.7	14.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,278 (1.0)	34.6	18.9	-	41.2	11.7	-	-	-	-0.4	5.3	14.4	12.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,781 (0.1)	45.4	15.5	-	10.7	19.5	-	-	-	2.1	4.2	4.5	6.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	207,094 (8.5)	0.0	17.6	14.2	15.5	26.1	26.5	4.5	3.9	-0.7	0.2	8.3	8.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

#### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

